

Số: 1240 /QĐ-TN

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 của Thủ tướng chính phủ V/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BGDĐT, ngày 26/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc ban hành Quy định bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BGDĐT, ngày 20/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quản lý giáo dục cho 98 (chín mươi tám) học viên học tại Trung tâm GDTX Số 1 thành phố Đà Nẵng khóa học từ tháng 07/2017 đến 08/2017.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng các phòng Đào tạo, Tổ chức – Hành chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kế hoạch – Tài chính và học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- ĐHĐN, BGH (để báo cáo);
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. LƯU TRANG

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH KHÓA BỒI DƯỠNG
NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ GIÁO DỤC- KHÓA HỌC TỪ THÁNG 07/2017 ĐẾN THÁNG 08/2017
MỞ TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN SỐ 1 TP.ĐÀ NẴNG**

(theo Quyết định số: 1240/QĐ-TN ngày 11 tháng 10 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHN)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TB	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Vân Anh	22/12/1977	Nghệ An	8,7	Khá	
2	Trần Khắc Bảo	11/12/1981	Đà Nẵng	8,6	Khá	
3	Nguyễn Thanh Bình	09/08/1984	Quảng Nam	8,8	Khá	
4	Bùi Thị Thanh Bình	27/10/1977	Nghệ An	8,6	Khá	
5	Tổng Văn Chính	06/07/1985	Ninh Bình	8,8	Khá	
6	Lê Văn Chữ	26/04/1972	Đà Nẵng	8,4	Khá	
7	Tường Thị Có	21/02/1971	Quảng Nam	8,6	Khá	
8	Trần Thị Đào	20/10/1989	Quảng Bình	8,4	Khá	
9	Nguyễn Thị Duy Đào	17/07/1981	Quảng Nam	8,6	Khá	
10	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	24/06/1980	Đà Nẵng	8,7	Khá	
11	Đặng Quốc Đô	20/06/1980	Hà Tĩnh	8,8	Khá	
12	Nguyễn Văn Đông	20/06/1985	Đà Nẵng	8,6	Khá	
13	Nguyễn Ngọc Duẩn	10/11/1983	Thanh Hóa	8,3	Khá	
14	Võ Văn Đức	06/01/1977	Đà Nẵng	8,7	Khá	
15	Nguyễn Thụy Hạ Dung	25/04/1979	Đà Nẵng	8,6	Khá	
16	Lê Thị Dung	03/04/1985	Thanh Hóa	8,8	Khá	
17	Phan Quốc Duy	09/09/1983	Đà Nẵng	8,8	Khá	
18	Lê Thị Giang	18/04/1987	Quảng Bình	8,6	Khá	
19	Trần Thị Giang	03/06/1982	Hải Phòng	8,7	Khá	
20	Nguyễn Thị Hà	11/09/1981	Bắc Ninh	8,6	Khá	
21	Nguyễn Trương Vũ Hạ	02/08/1983	Đà Nẵng	8,6	Khá	
22	Phan Thị Diệu Hân	08/07/1993	Quảng Nam	8,3	Khá	
23	Trần Thị Hằng	18/10/1979	Quảng Nam	8,4	Khá	
24	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	08/04/1984	Quảng Nam	8,6	Khá	
25	Trần Thị Hạnh	26/04/1977	Thái Bình	8,8	Khá	
26	Lê Thị Bích Hậu	20/08/1974	Hà Tây	8,9	Khá	
27	Trần Thị Hoa	16/06/1985	Thanh Hóa	8,8	Khá	
28	Nguyễn Thị Hoa	12/11/1979	Quảng Nam	8,9	Khá	
29	Châu Thị Hồng	19/10/1970	Đà Nẵng	8,9	Khá	
30	Phan Thị Hồng	20/10/1976	Đà Nẵng	8,8	Khá	
31	Nguyễn Thị Hồng Huệ	01/10/1987	Quảng Bình	8,9	Khá	
32	Nguyễn Thị Minh Hương	09/08/1980	Quảng Nam	8,6	Khá	
33	Phan Văn Khải	04/06/1987	Quảng Trị	8,3	Khá	
34	Võ Minh Khánh	13/12/1979	Quảng Nam	8,7	Khá	
35	Phạm Thị Lân	07/07/1972	Hưng Yên	8,7	Khá	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TB	Xếp loại	Ghi chú
36	Bạch Thị	Liều	04/08/1977	Hà Bắc	8,7	Khá	
37	Đỗ Thị Hải	Linh	06/01/1983	Đà Nẵng	8,7	Khá	
38	Nguyễn Hồng	Linh	05/07/1981	Quảng Nam	8,4	Khá	
39	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	29/10/1978	Quảng Nam	8,2	Khá	
40	Trần Thị Xuân	Loan	02/09/1971	Đà Nẵng	8,3	Khá	
41	Nguyễn Hữu	Lộc	04/11/1985	Đà Nẵng	8,8	Khá	
42	Tạ Thị Thanh	Ly	15/11/1983	Đà Nẵng	8,9	Khá	
43	Nguyễn Thị Thúy	Mai	30/01/1974	Đà Nẵng	8,7	Khá	
44	Nguyễn Thị	Minh	14/09/1975	Hà Nam	8,8	Khá	
45	Võ Thị Thanh	Minh	30/09/1987	Đà Nẵng	8,7	Khá	
46	Phan Thị Ái	Mỹ	02/12/1979	Quảng Nam	8,6	Khá	
47	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	20/05/1984	Đà Nẵng	8,4	Khá	
48	Võ Thị Thúy	Nga	29/10/1966	Thừa Thiên Huế	8,4	Khá	
49	Đỗ Thị Bích	Nga	25/01/1978	Quảng Nam	8,2	Khá	
50	Trương Thị Thảo	Nguyên	17/07/1981	Đà Nẵng	8,4	Khá	
51	Đặng Thị Ánh	Nguyệt	06/04/1980	Quảng Nam	8,6	Khá	
52	Hà Thị Thanh	Nhã	19/08/1973	Hải Phòng	8,7	Khá	
53	Lê Thị	Nhút	17/07/1977	Quảng Nam	8,4	Khá	
54	Trịnh Thị	Oanh	06/04/1973	Thanh Hóa	8,7	Khá	
55	Đặng Thị	Oanh	15/10/1974	Thanh Hóa	8,6	Khá	
56	Lê Thị Kim	Oanh	10/03/1977	Nghệ An	8,8	Khá	
57	Trần Thị Kim	Oanh	22/05/1972	Quảng Nam	8,6	Khá	
58	Nguyễn Thị Thanh	Phong	11/12/1970	Đà Nẵng	8,7	Khá	
59	Bùi Nguyên	Phương	17/09/1983	Đà Nẵng	8,4	Khá	
60	Trịnh Văn	Phương	02/03/1967	Quảng Nam	8,3	Khá	
61	Nguyễn Thị	Phương	01/01/1987	Thanh Hóa	8,3	Khá	
62	Đặng Thị Hải	Phượng	08/04/1980	Đà Nẵng	8,4	Khá	
63	Võ Thị Hạ	Quyên	21/07/1979	Đà Nẵng	8,3	Khá	
64	Nguyễn Văn	Quỳnh	28/02/1973	Thanh Hóa	8,4	Khá	
65	Vũ Đình	Sách	24/01/1986	Nam Định	8,6	Khá	
66	Lâm Phùng	Sỹ	12/06/1981	Quảng Nam	8,7	Khá	
67	Lê Thị Minh	Tâm	19/10/1982	Đà Nẵng	8,8	Khá	
68	Lê Thị Vân	Thanh	16/08/1977	Đà Nẵng	8,9	Khá	
69	Đào Hoàng	Thanh	10/02/1979	Đà Nẵng	8,2	Khá	
70	Phạm Ngọc	Thành	20/03/1974	Quảng Nam	8,8	Khá	
71	Phạm Thị	Thảo	21/10/1982	Đà Nẵng	8,6	Khá	
72	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/02/1977	Quảng Trị	8,6	Khá	
73	Đoàn Thị	Thảo	07/10/1974	Hưng Yên	8,8	Khá	
74	Nguyễn Thị	Thảo	01/11/1976	QNĐN	8,4	Khá	
75	Trương Thị Minh	Thảo	21/09/1978	Quảng Nam	8,8	Khá	
76	Nguyễn Thị	Thảo	10/03/1978	Thái Bình	8,8	Khá	
77	Nguyễn Văn	Thứ	01/09/1980	Đà Nẵng	8,8	Khá	
78	Võ Thị Hoài	Thương	03/02/1978	Quảng Nam	8,7	Khá	
79	Nguyễn Thị Kim	Thương	20/09/1980	Đà Nẵng	8,7	Khá	
80	Lê Viết	Thương	23/06/1989	Quảng Nam	8,2	Khá	
81	Phạm Thị Thanh	Thúy	01/01/1979	Đà Nẵng	8,2	Khá	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TB	Xếp loại	Ghi chú
82	Mạc Thị Thúy	21/07/1986	Đà Nẵng	8,6	Khá	
83	Hồ Thị Thủy	01/06/1977	Quảng Trị	8,7	Khá	
84	Đỗ Thị Hương	22/10/1982	Thanh Hóa	8,6	Khá	
85	Nguyễn Thị Thu	28/04/1982	Đà Nẵng	8,7	Khá	
86	Nguyễn Thị Thủy	08/01/1988	Nam Định	8,8	Khá	
87	Lê Văn Tìn	05/10/1979	QNDN	8,6	Khá	
88	Ngô Thị Minh	27/04/1988	Đà Nẵng	8,6	Khá	
89	Huỳnh Thị Trung	01/01/1971	Quảng Nam	8,2	Khá	
90	Trần Thị Hà	17/02/1992	Quảng Nam	8,4	Khá	
91	Nguyễn Thị Tuyết	08/02/1986	Đà Nẵng	8,1	Khá	
92	Nguyễn Thị Thanh	01/01/1981	Quảng Nam	8,3	Khá	
93	Đỗ Thị Vân	07/11/1980	Thái Bình	8,4	Khá	
94	Nguyễn Thị Thùy	17/10/1980	Đà Nẵng	8,4	Khá	
95	Lê Ngọc Vũ	23/11/1980	Đà Nẵng	8,8	Khá	
96	Trương Thị Ý	17/02/1992	Quảng Nam	8,7	Khá	
97	Võ Thị Thanh Bình	10/08/1972	Thanh Hóa	8,4	Khá	
98	Nguyễn Hồ Quốc Tuấn	02/06/1980	Thừa Thiên Huế	7,6	Khá	K2014

Danh sách này có 98 học viên tốt nghiệp,; trong đó:

Loại Giỏi: 0 học viên; loại Khá: 98 học viên./

Đà Nẵng, ngày tháng 10 năm 2017

HIỆP TRƯỞNG



PGS. TS. LƯU TRANG

